

Biểu mẫu 09

Sở Giáo Dục Và Đào Tạo Hà Nội
Trường THPT Đặng Thai Mai

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học.....

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	...
I	Điều kiện tuyển sinh	Tốt	Tốt	Tốt	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Cơ bản	Cơ bản	Cơ bản	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt	Tốt	Tốt	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Đàm Khắc Sĩ



Biểu mẫu 10

Sở Giáo Dục Và Đào Tạo Hà Nội
Trường THPT Đặng Thai Mai

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	127	127	0	0	
1	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	103/127	103/127	0	0	
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	17/127	17/127	0	0	
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	7/127	7/127	0	0	
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	0/127	0/127	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	127	127			
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	9/127	9/127			
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	59/127	59/127			
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	55/127	55/127			
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	4/127	4/127			
5	Kém(tỷ lệ so với tổng số)	0/127	0/127			
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	132	132			
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	127/132	127/132			
a	Học sinh giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	9/132	9/132			
b	Học sinh tiên tiến(tỷ lệ so với tổng số)	59/132	59/132			
2	Thi lại(tỷ lệ so với tổng số)	4/132	4/132			
3	Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số)	0/132	0/132			
4	Chuyển trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số)	0/132	0/132			
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0/132	0/132			
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)(tỷ lệ so với tổng số)	5/132	5/132			
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	132	132			

1	Cấp huyện	0	0			
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0			
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	1	1			
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	1	1			
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	1	1			
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	81/51	81/51			
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0			

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Dàm Khắc Sĩ

**Biểu mẫu 11**

Sở Giáo Dục và Đào Tạo Hà Nội
Trường THPT Đặng Thai Mai

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	16	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	09	2.08
2	Phòng học bán kiên cố	02	0.5
3	Phòng học tạm	05	1.15
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	02	0.46
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	01	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	3000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2500	
VI	Tổng diện tích các phòng	1208	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1080	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	128	
3	Diện tích thư viện (m ²)	64	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	30	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	45	Số bộ/lớp
I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	15	05



1.2	Khối lớp 11	15	05
1.3	Khối lớp 12	15	05
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	Số học sinh/bộ 10.4

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	06	01
2	Cát xét		
3	Đầu Video/dầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	0.7
5	Thiết bị khác...		
..			
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		02		0.2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Đàm Khắc Sĩ





Biểu mẫu 12

Sở Giáo Dục và Đào Tạo Hà Nội
Trường THPT Đặng Thai Mai

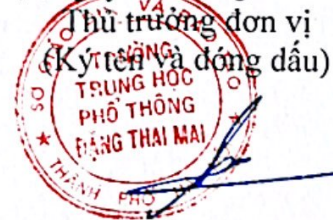
THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học....

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29		02	24		01								
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	22		02	20										
1	Toán	03			03										
2	Lý	01			01										
4	Ngữ văn	03			03										
5	Lịch sử	03			03										
6	Địa lý	03		02	01										
7	GD_KTPL	02			02										
8	Tiếng anh	03			03										
9	Tin học	02			02										
10	GD thể chất	02			02										
11	GD quốc phòng	02			02										
II	Cán bộ quản lý	01			01										
1	Hiệu trưởng	01			01										
2	Phó hiệu trưởng	0			0										
III	Nhân viên	08			01										

1	Nhân viên văn thư	01																		
2	Nhân viên kế toán	01																		
3	Thủ quỹ	01																		
4	Nhân viên y tế	01																		
5	Nhân viên thư viện	Kiểm nhiệm																		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	Kiểm nhiệm																		
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	Kiểm nhiệm																		
8	Nhân viên công nghệ thông tin	01					01													
9	Nhân viên lao công	01																		
10	Nhân viên bảo vệ	02																		

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2024



Dàm Khắc Sĩ